

**Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma**  
**Môn học: TƯƠNG ƯNG BỘ – SAMYUTTANIKĀYA**

**Bài học ngày 12.11.2022**

---

**Kinh Susīma (Susīmasuttam)**

CHƯƠNG XI. TƯƠNG ƯNG SAKKA, PHẨM THỨ NHẤT (S. i, 217)

Kinh này hoàn toàn giống Kinh Suvīra (Suvīrasuttam) chỉ khác là thay vì Suvīra đổi thành Susīma một người con khác của thiên chủ Sakka.

**KHÔNG HẢN LINH TẠI NGÃ**

**Kinh Dhajagga (Dhajaggasuttam)**

CHƯƠNG XI. TƯƠNG ƯNG SAKKA, PHẨM THỨ NHẤT (S. i, 217)

*Người đời có câu “linh tại ngã, bất linh tại ngã” hàm ý uy lực linh thiêng vốn ở niềm tin chứ không hản ở đối tượng tin tưởng. Bài kinh này mang ý nghĩa ngược lại. Nếu đối tượng sùng kính vẫn còn phiền não, uế nhiễm, sơ hãi thì khó làm đối tượng tạo nên uy lực xưa tan sợ hãi. Ở đời nói về sự tuyệt đối vô úy thì chỉ có Phật, Pháp, Tăng. Nếu hiểu đúng và hiểu rõ ân đức Tam Bảo thì xưa tan những yếu đuối trong lòng. Đối tượng cao cả luôn cần thiết để nâng cao nội tâm.*



**Kinh Văn**

**Sāvattiyam. Tatra kho bhagavā bhikkhū āmantesi – “bhikkhavo”ti. “Bhadante”ti te bhikkhū bhagavato paccassosum. Bhagavā etadavoca –**

Tại Sāvattī (Xá Vệ). Bấy giờ Đức Thế Tôn gọi các tỳ khưu:

"- Này chư Tỳ khưu". Chư tỳ khưu lên tiếng trả lời “ Dạ. Bạch Thế Tôn”. Đức Thế Tôn nói như sau:

**“Bhūtapubbam, bhikkhave, devāsurasaṅgāmo samupabyūḷho ahoṣi. Atha kho, bhikkhave, sakko devānamindo deve tāvatimṣe āmantesi –**

**‘Sace, mārisā, devānaṃ saṅgāmagatānaṃ uppajjeyya bhayaṃ vā chambhitattam vā lomahaṃso vā, mameva tasmim samaye dhajaggam**

**ullokeyyātha. Mamañhi vo dhajaggaṃ ullokayatam yam bhavissati bhayam vā chambhitattam vā lomahaṃso vā, so pahīyissati’.**

Này chư Tỳ khuru, thưở xưa chư thiên và a tu la dàn trận cho một cuộc hỗn chiến. Thiên chủ Sakka nói với chư thiên cõi Tam Thập Tam:

Hỡi các chiến hữu, khi các ông ra trận nếu có sự sợ hãi, hốt hoảng, kinh khiếp khởi lên thì hãy nhìn lên soái kỳ của ta. Khi nhìn lên soái kỳ của ta thì sự sợ hãi, hốt hoảng, kinh khiếp sẽ tan biến.

**‘No ce me dhajaggaṃ ullokeyyātha, atha pajāpatissa devarājassa dhajaggaṃ ullokeyyātha. Pajāpatissa hi vo devarājassa dhajaggaṃ ullokayatam yam bhavissati bhayam vā chambhitattam vā lomahaṃso vā, so pahīyissati’.**

Nếu các Ông không thể nhìn soái kỳ của ta, thời hãy ngó lên ngọn cờ của Thiên vương Pajāpati. Khi nhìn lên soái kỳ của Thiên vương Pajāpati thì sự sợ hãi, hốt hoảng, kinh khiếp sẽ tan biến.

**‘No ce pajāpatissa devarājassa dhajaggaṃ ullokeyyātha, atha varuṇassa devarājassa dhajaggaṃ ullokeyyātha. Varuṇassa hi vo devarājassa dhajaggaṃ ullokayatam yam bhavissati bhayam vā chambhitattam vā lomahaṃso vā, so pahīyissati’.**

Nếu các Ông không thể nhìn soái kỳ của Pajāpati, thời hãy ngó lên soái kỳ của Thiên vương Varuna. Khi nhìn lên soái kỳ của Thiên vương Varuna thì sự sợ hãi, hốt hoảng, kinh khiếp sẽ tan biến.

**‘No ce varuṇassa devarājassa dhajaggaṃ ullokeyyātha, atha īsānassa devarājassa dhajaggaṃ ullokeyyātha. Īsānassa hi vo devarājassa dhajaggaṃ ullokayatam yam bhavissati bhayam vā chambhitattam vā lomahaṃso vā, so pahīyissati’”ti.**

Nếu các Ông không thể nhìn soái kỳ của Varuṇa, thời hãy ngó lên soái kỳ của Thiên vương Īsāna. Khi nhìn lên soái kỳ của Thiên vương Īsāna thì sự sợ hãi, hốt hoảng, kinh khiếp sẽ tan biến.

**“Tam kho pana, bhikkhave, sakkassa vā devānamindassa dhajaggaṃ ullokayatam, pajāpatissa vā devarājassa dhajaggaṃ ullokayatam, varuṇassa vā devarājassa dhajaggaṃ ullokayatam, īsānassa vā devarājassa dhajaggaṃ ullokayatam yam bhavissati bhayam vā chambhitattam vā lomahaṃso vā, so**

**pahīyethāpi nopi pahīyetha [no pahīyetha (ka.)]. “Taṃ kissa hetu? Sakko hi, bhikkhave, devānamindo avītarāgo avītadoso avītamoho bhīru chambhī utrāsī palāyīti.**

Này chư Tỳ khuru, khi chư thiên nhìn lên soái kỳ của Thiên chủ Sakka, thiên vương Pajāpati, thiên vương Varuṇa, thiên vương Īsāna sự sợ hãi, hốt hoảng, kinh khiếp có thể tan biến hoặc không tan biến. Vì sao vậy? Này chư Tỳ Khuru vì Thiên chủ Sakka chưa đoạn tận tham, chưa đoạn tận sân, chưa đoạn tận si, vẫn còn e sợ, khiếp đảm, kinh hãi, tháo chạy.

**“Ahañca kho, bhikkhave, evaṃ vadāmi – ‘sace tumhākaṃ, bhikkhave, araññagātānaṃ vā rukkhamaḷagātānaṃ vā suññāgāragātānaṃ vā uppajjeyya bhayaṃ vā chambhitattaṃ vā lomahaṃso vā, mameva tasmim samaye anussareyyātha – itipi so bhagavā arahamaṃ sammāsambuddho vijjācaraṇasampanno sugato lokavidū anuttaro purisadammasārathi satthā devamanussānaṃ buddho bhagavā’ti. Mamañhi vo, bhikkhave, anussarataṃ yaṃ bhavissati bhayaṃ vā chambhitattaṃ vā lomahaṃso vā, so pahīyissati.**

Nhưng này chư Tỳ khuru, ta nói như sau: Khi các Thầy đi vào rừng, dưới cội cây, trong ngôi nhà trống nếu sự sợ hãi, hốt hoảng, kinh khiếp khởi lên hãy niệm tưởng ta: “Đức Thế Tôn là bậc Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiên thế, Thế gian giải, Vô thượng điều ngự, Thiên nhân sư, Phật Đà, Thế Tôn”. Khi niệm tưởng ta thì sự sợ hãi, hốt hoảng, kinh khiếp sẽ tan biến.

**“No ce maṃ anussareyyātha, atha dhammaṃ anussareyyātha – ‘svākkhāto bhagavatā dhammo sandiṭṭhiko akāliko ehipassiko opaneyyiko paccattaṃ veditabbo viññūhī’ti. Dhammañhi vo, bhikkhave, anussarataṃ yaṃ bhavissati bhayaṃ vā chambhitattaṃ vā lomahaṃso vā, so pahīyissati.**

Nếu không thể niệm tưởng ta thì hãy niệm tưởng Pháp: “Pháp được Đức Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tiền, vượt ngoài thời gian, đến để chứng nghiệm, hiệu năng hướng thượng, trí giả thân chứng”. Khi niệm tưởng Pháp thì sự sợ hãi, hốt hoảng, kinh khiếp sẽ tan biến.

**“No ce dhammaṃ anussareyyātha, atha saṅghaṃ anussareyyātha – ‘suppaṭipanno bhagavato sāvakaṃgho ujuppaṭipanno bhagavato sāvakaṃgho ñāyappaṭipanno bhagavato sāvakaṃgho sāmīcippaṭipanno bhagavato sāvakaṃgho, yadidaṃ cattāri purisayugāni aṭṭha purisapuggalā esa bhagavato sāvakaṃgho, āhuneyyo pāhuneyyo dakkhiṇeyyo añjalikaraṇīyo anuttaraṃ puññakkhettaṃ lokassā’ti. Saṅghañhi vo,**

**bhikkhave, anussaratam yam bhavissati bhayam va chambhitattam va lomahamsa va, so pahiyissati.**

Nếu không thể niệm tướng Pháp thì hãy niệm tướng Tăng: “Chư Tăng thánh đệ tử Thế Tôn là bậc thiện hạnh, trực hạnh, như hạnh, chánh hạnh, gồm tứ song bát bô, chư vị thánh đệ tử ấy của Đức Thế Tôn xứng đáng được tôn trọng, cung nghinh, cúng dường, chấp tay kính lễ, là phước điền vô thượng ở đời”. Khi niệm tướng Tăng thì sự sợ hãi, hốt hoảng, kinh khiếp sẽ tan biến.

**“Tam kissa hetu? Tathagato hi, bhikkhave, araham sammāsambuddho vītarāgo vītadoso vītamoho abhīru acchambhī anutrāsī apalāyī”ti. Idamavoca bhagavā. Idam vatvāna sugato athāparam etadavoca satthā –**

Vì sao vậy? Đây chư Tỳ khuru, vì Như Lai, bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri đã ly tham, ly sân, ly si, là bậc đại hùng, bậc can cường, bậc vô úy, bậc vững chãi.

Đức Thế Tôn nói như vậy. Rồi Thiện Thệ , bậc Đạo sư, nói tiếp:

**“Araññe rukkhamūle vā, suññāgāreva bhikkhavo;  
Anussaretha sambuddham, bhayam tumhāka no siyā.**

**“No ce buddham sareyyātha, lokajettham narāsabham;  
Atha dhammam sareyyātha, niyyānikam sudesitam.**

**“No ce dhammam sareyyātha, niyyānikam sudesitam;  
Atha saṅgham sareyyātha, puññakkhettam anuttaram.**

**“Evam buddham sarantānam, dhammam saṅghaṅca bhikkhavo;  
Bhayam va chambhitattam va, lomahamsa na hessatī”ti.**

“Hỡi Tỳ khuru, trong rừng,  
dưới cội cây, am vắng.  
Hãy niệm tướng Phật Đà  
Sợ hãi không sanh khởi.

“Nếu không thể niệm Phật  
Bậc Ngưu vương tối thượng  
Thì hãy niệm tướng Pháp  
Đạo giải thoát, thiện thuyết.

“Nếu không thể niệm Pháp  
Đạo giải thoát, thiện thuyết  
Thì hãy niệm tưởng Tăng  
Là Phước điền vô thượng.

“Với ai niệm tưởng Phật  
Niệm Pháp và niệm Tăng  
Thì sợ hãi, hốt hoảng,  
Kinh khiếp không sanh khởi.



**Araññe rukkhamūle vā, suññāgāreva bhikkhavo** = trong rừng, dưới cội cây, nơi  
am thanh vắng. Hỡi chư Tỳ khuru.

**Anussaretha sambuddham, bhayaṃ tumhāka no siyā** = hãy niệm tưởng Đấng  
Toàn Giác, sự sợ hãi sẽ không sanh khởi.

**No ce buddham sareyyātha, lokajetṭham narāsabham** = nếu không thể niệm  
Phật, bậc Ngưu vương của loài người

**Atha dhammaṃ sareyyātha, niyyānikaṃ sudesitaṃ** = thì hãy niệm Pháp giải  
thoát và được khéo thuyết.

**No ce dhammaṃ sareyyātha, niyyānikaṃ sudesitaṃ** = Nếu không thể niệm Pháp  
giải thoát và được khéo thuyết

**Atha saṅghaṃ sareyyātha, puññakkhettaṃ anuttaraṃ** = hãy niệm Tăng, vô  
thượng phước điền.

**Evam buddham sarantānaṃ, dhammaṃ saṅghaṅca bhikkhavo** = Hỡi chư Tỳ  
khuru, ai niệm Phật, Pháp, Tăng.

**Bhayaṃ vā chambhitattaṃ vā, lomahaṃso na hessatī’ti** = sự sợ hãi, hốt hoảng,  
kinh khiếp sẽ không sanh khởi.



## Thích nghĩa

*Kệ ngôn trong bài kinh này là một trong những kinh hộ trì (paritta) hay kinh cầu an thường được tụng tại Tích Lan. Rất thú vị là trong nghi thức cầu an của Phật giáo Tây Tạng cũng có bài kinh này và kinh tiêu tai cát tường cũng có trong nghi thức Phật giáo Trung Hoa.*

*Chữ dhajagga là đại kỳ có huy hiệu (the crests of standard) khác với lá cờ bình thường. Theo Sớ giải thì soái kỳ của Thiên chủ Đế Thích rất to lớn trên đó có huy hiệu của Thiên chủ. Khi giương cao gặp gió soái kỳ tạo nên âm thanh như tiếng nhạc. Trong lúc lâm trận nếu chư thiên lấy đại kỳ của Đế Thích sẽ biết “thiên chủ đã đến” nên nhuệ khí tăng cao và sự sợ hãi biến mất.*

*Theo Sớ giải trong ba vị thiên vương thì thiên vương Pajāpati có ngoại hình uy dũng và tuổi thọ tương đương Thiên chủ Sakka. Hai vị thiên vương Varuna và thiên vương Īsāna đứng hạng thứ ba và thứ tư.*

*Tỳ khưu Giác Đăng dịch và biên soạn giáo trình*

### 3. Dhajaggasuttam [Mūla]

249. Sāvattḥiyaṃ. Tatra kho bhagavā bhikkhū āmantesi – “bhikkhavo”ti. “Bhadante”ti te bhikkhū bhagavato paccassosum. Bhagavā etadavoca –

“Bhūtapubbam, bhikkhave, devāsurasaṅgāmo samupabyūḥho ahoṣi. Atha kho, bhikkhave, sakko devānamindo deve tāvatimse āmantesi –

‘Sace, mārisā, devānaṃ saṅgāmagatānaṃ uppajjeyya bhayaṃ vā chambhitattam vā lomahaṃso vā, mameva tasmim samaye dhajaggaṃ ullokeyyātha. Mamañhi vo dhajaggaṃ ullokayataṃ yaṃ bhavissati bhayaṃ vā chambhitattam vā lomahaṃso vā, so pahīyissati’.

‘No ce me dhajaggaṃ ullokeyyātha, atha pajāpatissa devarājassa dhajaggaṃ ullokeyyātha. Pajāpatissa hi vo devarājassa dhajaggaṃ ullokayataṃ yaṃ bhavissati bhayaṃ vā chambhitattam vā lomahaṃso vā, so pahīyissati’.

‘No ce pajāpatissa devarājassa dhajaggaṃ ullokeyyātha, atha varuṇassa devarājassa dhajaggaṃ ullokeyyātha. Varuṇassa hi vo devarājassa dhajaggaṃ ullokayataṃ yaṃ bhavissati bhayaṃ vā chambhitattaṃ vā lomahaṃso vā, so pahīyissati’.

‘No ce varuṇassa devarājassa dhajaggaṃ ullokeyyātha, atha īsānassa devarājassa dhajaggaṃ ullokeyyātha. Īsānassa hi vo devarājassa dhajaggaṃ ullokayataṃ yaṃ bhavissati bhayaṃ vā chambhitattaṃ vā lomahaṃso vā, so pahīyissati’’ti.

‘‘Taṃ kho pana, bhikkhave, sakkassa vā devānamindassa dhajaggaṃ ullokayataṃ, pajāpatissa vā devarājassa dhajaggaṃ ullokayataṃ, varuṇassa vā devarājassa dhajaggaṃ ullokayataṃ, īsānassa vā devarājassa dhajaggaṃ ullokayataṃ yaṃ bhavissati bhayaṃ vā chambhitattaṃ vā lomahaṃso vā, so pahīyethāpi nopi pahīyetha [no pahīyetha (ka.)].

‘‘Taṃ kissa hetu? Sakko hi, bhikkhave, devānamindo avītarāgo avītadoso avītamoho bhīru chambhī utrāsī palāyīti.

‘‘Ahañca kho, bhikkhave, evaṃ vadāmi – ‘sace tumhākaṃ, bhikkhave, araññagatānaṃ vā rukkhamaṃlagatānaṃ vā suññāgāragatānaṃ vā uppajjeyya bhayaṃ vā chambhitattaṃ vā lomahaṃso vā, mameva tasmim̐ samaye anussareyyātha – itipi so bhagavā arahāṃ sammāsambuddho vijjācaraṇasampanno sugato lokavidū anuttaro purisadammasārathi satthā devamanussānaṃ buddho bhagavā’ti. Mamañhi vo, bhikkhave, anussarataṃ yaṃ bhavissati bhayaṃ vā chambhitattaṃ vā lomahaṃso vā, so pahīyissati.

‘‘No ce maṃ anussareyyātha, atha dhammaṃ anussareyyātha – ‘svākkhāto bhagavatā dhammo sandiṭṭhiko akāliko ehipassiko opaneyyiko paccattaṃ veditabbo viññūhī’ti. Dhammañhi vo, bhikkhave, anussarataṃ yaṃ bhavissati bhayaṃ vā chambhitattaṃ vā lomahaṃso vā, so pahīyissati.

‘‘No ce dhammaṃ anussareyyātha, atha saṅghaṃ anussareyyātha – ‘suppaṭipanno bhagavato sāvakaṃgho ujuppaṭipanno bhagavato sāvakaṃgho ñāyappaṭipanno bhagavato sāvakaṃgho sāmīcippaṭipanno bhagavato sāvakaṃgho, yadidaṃ cattāri purisayugāni aṭṭha purisapuggalā esa bhagavato sāvakaṃgho, āhuneyyo pāhuneyyo dakkhiṇeyyo añjalikaraṇīyo anuttaraṃ puññakkhattaṃ lokassā’ti. Saṅghañhi vo, bhikkhave, anussarataṃ yaṃ bhavissati bhayaṃ vā chambhitattaṃ vā lomahaṃso vā, so pahīyissati.

‘‘Taṃ kissa hetu? Tathāgato hi, bhikkhave, arahāṃ sammāsambuddho vītarāgo vītadoso vītamoho abhīru acchambhī anutrāsī apalāyī’’ti. Idamavoca bhagavā. Idam vatvāna sugato athāparaṃ etadavoca satthā –

“Araññe rukkhamūle vā, suññāgāreva bhikkhavo;  
Anussaretha [anussareyyātha (ka.) padasiddhi pana cintetabbā] sambuddhaṃ,  
bhayaṃ tumhāka no siyā.

“No ce buddhaṃ sareyyātha, lokajetthaṃ narāsabhaṃ;  
Atha dhammaṃ sareyyātha, niyyānikaṃ sudesitaṃ.

“No ce dhammaṃ sareyyātha, niyyānikaṃ sudesitaṃ;  
Atha saṅghaṃ sareyyātha, puññakkhettaṃ anuttaraṃ.

“Evaṃ buddhaṃ sarantānaṃ, dhammaṃ saṅghaṅca bhikkhavo;  
Bhayaṃ vā chambhitattaṃ vā, lomahaṃso na hessatī”ti.

### 3. Dhajaggasuttavaṇṇanā [Aṭṭhakathā]

249. Tatiye **samupabyūḥ**hoti sampiṇḍito rāsibhūto. **Dhajaggaṃ ullokeyyathāti** sakkassa kira diyadḍhayojanasatāyāmo ratho. Tassa hi pacchimanto paṇṇāsayojo, majjhe rathapañjaro paṇṇāsayojo, rathasandhito yāva rathasīsā paṇṇāsayojanāni. Tadeva pamāṇaṃ diguṇaṃ katvā tiyojanasatāyāmotipi vadantiyeva. Tasmim yojanikapallaṅko atthato, tiyojanikaṃ setacchattaṃ matthake ṭhapitaṃ, ekasmimyeva yuge sahassaājāññā yuttā, sesālaṅkāraṃ pamāṇaṃ natthi. Dhajo panassa adḍhatiyāni yojanasatāni uggato, yassa vātāhatassa pañcaṅgikatūriyasessa saddo niccharati, taṃ ullokeyyathāti vadati. Kasmā? Taṃ passantānañhi rājā no āgantvā parisapariyante nikhātathambho viya ṭhito, kassa mayaṃ bhāyāmāti bhayaṃ na hoti. **Pajāpatissāti** so kira sakkena samānavaṇṇo samānāyuko dutiyaṃ āsanaṃ labhati. Tathā **varuṇo isāno** ca. Varuṇo pana tatiyaṃ āsanaṃ labhati, isāno catutthaṃ. **Palāyīti** asurehi parājito tasmim rathe ṭhito appamattakampi rajadhajam disvā palāyanadhammo.

**Itipi so bhagavāti**ādīni visuddhimagge vitthāritāneva. **Idamavocāti** idam dhajaggaparittaṃ nāma bhagavā avoca, yassa āṇākhette koṭisatasahassacakkavāle ānubhāvo vattati. Idam āvajjetvā hi yakkhabhayacorabhayādīhi dukkhehi muttānaṃ anto natthi. Tiṭṭhatu aññadukkhavūpasamo, idam āvajjamāno hi pasannacitto ākāsepi patitthaṃ labhati.

Tatridaṃ vatthu – dīghavāpicetiyamhi kira sudhākamme kayiramāne eko daharo muddhavedikāpādato pativā cetiyakucchiyā bhassati. Hetthā ṭhito bhikkhusaṅgho “dhajaggaparittaṃ, āvuso, āvajjāhī”ti āha. So maraṇabhayena tajjito



“dhajaggaparittam mam rakkhatu”ti āha. Tāvadevassa cetiyakucchito dve itthakā nikkhamitvā sopānam hutvā aṭṭhamsu, uparittito vallonissenim otāresum. Tasmim nisseniyam thite itthakā yathāttāneyeva aṭṭhamsu. Tatiyam.